



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN  
KHOA DU LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **XUẤT NHẬP CẢNH DU LỊCH** (Tourism Immigration)
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 3 (3,0,6)
- Cấp đào tạo: Đại học
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): Tự chọn
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: Không có
- Đơn vị phụ trách: Khoa Du lịch
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
  - Lý thuyết: 45
  - Thực hành: 0

### 2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Phan Trần Tuyên
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Du lịch - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0369858696
- Email: tuyenpt@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Trần Công Danh
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Du lịch - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 090.331.4944
- Email: danhctc@vhu.edu.vn

### 3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 5 chương trình bày các kiến thức về những lý luận cơ bản về công tác quản lý xuất nhập cảnh, Điều kiện, thủ tục nhập xuất cảnh Việt nam của người nước ngoài. Nội dung công tác quản lý nhập xuất cảnh và cư trú của Người nước ngoài tại Việt Nam, Quản lý xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam, Thị thực đối với khách du lịch quốc tế trên thế giới và Thực trạng thị thực du lịch Việt Nam hiện nay và thủ tục xuất nhập cảnh Việt Nam. Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng tư duy như phân biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm như: giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình.

### 4. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về những kiến thức thức hiểu biết cơ bản các quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành.
- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt nam.
- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về công tác quản lý xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt nam thông qua các văn bản pháp luật hiện hành liên quan đến công tác quản lý Xuất nhập cảnh.
- Trang bị kiến thức về pháp luật trong nước và pháp luật quốc tế mà mình tham gia cũng như các hiệp định, hiệp nghị mà mình tham gia hoặc ký kết, hoặc song phương hoặc đơn phương.
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

### 5. Chuẩn đầu ra của học phần:

| Mã CDR                              | Nội dung chuẩn đầu ra                                                                                                                                                                       |
|-------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Kiến thức</b>                    |                                                                                                                                                                                             |
| CLO1                                | Hiểu đầy đủ và nắm chắc các quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành về công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.                                   |
| CLO2                                | Phân tích được công tác quản lý xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt nam thông qua các văn bản pháp luật hiện hành liên quan đến công tác quản lý Xuất nhập cảnh.                         |
| <b>Kỹ năng</b>                      |                                                                                                                                                                                             |
| CLO3                                | Phối hợp lý luận và thực tiễn về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người công dân Việt nam, của cá nhân, tổ chức trong nước cũng như nước ngoài khi tham gia vào hoạt động xuất nhập cảnh. |
| CLO4                                | Vận dụng kỹ năng trình bày, giải thích và hướng dẫn cho người khác tuân thủ các qui định và luật pháp.                                                                                      |
| <b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b> |                                                                                                                                                                                             |
| CLO5                                | Hình thành ý thức bảo vệ an ninh quốc gia và phát triển Du lịch bền vững.                                                                                                                   |

**Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra CTTĐT và Chuẩn đầu ra học phần**

| <b>Chuẩn đầu ra</b> | <b>PLO1</b> | <b>PLO2</b> | <b>PLO3</b> | <b>PLO4</b> | <b>PLO5</b> | <b>PLO6</b> | <b>PLO7</b> | <b>PLO8</b> | <b>PLO9</b> | <b>PLO10</b> | <b>PLO11</b> | <b>PLO12</b> |
|---------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|--------------|--------------|--------------|
| CLO1                | H           |             |             |             |             |             |             |             |             |              |              |              |
| CLO2                |             | M           |             |             |             |             |             |             |             |              |              |              |
| CLO3                |             |             |             |             | M           |             |             |             |             |              |              |              |
| CLO4                |             |             |             |             |             |             | H           |             |             |              |              |              |
| CLO5                |             |             |             |             |             |             |             |             |             |              |              | H            |

## **6. Nội dung chi tiết của học phần**

### **6.1. Lý thuyết**

| <b>Chương</b>   | <b>Nội dung</b>                                                                                                                                              | <b>Đáp ứng CLOs</b> |
|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| <b>Chương 1</b> | <b>Những lý luận cơ bản về công tác quản lý xuất nhập cảnh</b>                                                                                               | CLO 1<br>CLO 2      |
| 1.1             | Mục đích, ý nghĩa của công tác quản lý xuất nhập cảnh                                                                                                        |                     |
| 1.2             | Những nội dung công tác quản lý xuất nhập cảnh                                                                                                               |                     |
| 1.3             | Những khái niệm cơ bản về xuất nhập cảnh, về hoạt động xuất nhập cảnh và các cụm từ được sử dụng trong lĩnh vực xuất nhập cảnh và quá cảnh                   |                     |
| 1.4             | Công tác quản lý xuất nhập cảnh Việt nam                                                                                                                     |                     |
| <b>Chương 2</b> | <b>Điều kiện, thủ tục nhập xuất cảnh việt nam của người nước ngoài. Nội dung công tác quản lý nhập xuất cảnh và cư trú của người nước ngoài tại việt nam</b> | CLO 1<br>CLO 2      |
| 2.1             | Những quy định chung về nhập cảnh, xuất cảnh và cư trú của Người nước ngoài tại Việt nam                                                                     |                     |
| 2.2             | Những điều kiện và thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh và quá cảnh của người nước ngoài tại Việt Nam                                                                |                     |
| 2.3             | Nội dung quản lý nhà nước về Nhập cảnh, Xuất cảnh và Cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.                                                               |                     |
| 2.4             | Những quy định và thủ tục cần thiết cho việc quản lý nhà nước trong lĩnh vực cư trú của người nước ngoài tại Việt nam                                        |                     |
| 2.5             | Trách nhiệm và việc phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập cảnh.                                                                |                     |
| 2.6             | Xử lý vi phạm                                                                                                                                                |                     |
| <b>Chương 3</b> | <b>Quản lý xuất nhập cảnh của công dân việt nam</b>                                                                                                          | CLO 1<br>CLO 2      |
| 3.1             | Những quy định chung về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt nam                                                                                           |                     |

| <b>Chương</b>   | <b>Nội dung</b>                                                                                                                 | <b>Đáp ứng CLOs</b> |
|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 3.2             | Các loại giấy tờ có giá trị xuất cảnh, nhập cảnh Việt nam của công dân Việt nam – Thời hạn và thủ tục cấp các loại giấy tờ trên |                     |
| 3.3             | Quy định những công dân Việt nam sau đây chưa được xuất cảnh hoặc chưa được cấp các loại giấy tờ có giá trị để xuất cảnh        |                     |
| 3.4             | Trách nhiệm của người cấp hộ chiếu                                                                                              |                     |
| 3.5             | Xử lý vi phạm                                                                                                                   |                     |
| <b>Chương 4</b> | <b>Thị thực đối với khách du lịch quốc tế trên thế giới</b>                                                                     | CLO 1<br>CLO 2      |
| 4.1             | Những khái niệm chung về thị thực (visa)                                                                                        |                     |
| 4.2             | Tình hình áp dụng thị thực du lịch ở một số nước trên thế giới                                                                  |                     |
| 4.3             | Các nước miễn thị thực song phương với Việt Nam                                                                                 |                     |
| <b>Chương 5</b> | <b>Thực trạng thị thực du lịch Việt nam hiện nay và thủ tục xuất nhập cảnh Việt nam</b>                                         | CLO 3<br>CLO 4      |
| 5.1             | Thực trạng thị thực du lịch Việt Nam đối với khách du lịch quốc tế                                                              |                     |
| 5.2             | Phân loại thị thực và thủ tục xuất nhập cảnh cho khách quốc tế đến Việt Nam                                                     |                     |
| 5.3             | Hộ chiếu và thị thực du lịch quốc tế đối với khách du lịch Việt Nam                                                             |                     |
| 5.4             | Thủ tục xuất cảnh và nhập cảnh cho khách du lịch Việt Nam                                                                       |                     |

## 6.2. Thực hành

|              | <b>Nội dung</b>                                | <b>Đáp ứng CLOs</b>         |
|--------------|------------------------------------------------|-----------------------------|
| <b>6.2.1</b> | <b>Bài tập cá nhân</b>                         | CLO1, CLO2, CL3, CLO4, CLO5 |
|              | - Người học báo cáo kết quả làm việc trước lớp |                             |
| <b>6.2.2</b> | <b>Bài tập nhóm</b>                            | CLO1, CLO2, CL3, CLO4, CLO5 |
|              | - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp  |                             |

## 7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

| <b>Chương</b> | <b>Tên chương</b>                                         | <b>Số tiết tín chỉ</b> |                |                  |               |             | <b>Ghi chú</b> |
|---------------|-----------------------------------------------------------|------------------------|----------------|------------------|---------------|-------------|----------------|
|               |                                                           | <b>Lý thuyết</b>       | <b>Bài tập</b> | <b>Thực hành</b> | <b>Tự học</b> | <b>Tổng</b> |                |
| 1             | Những lý luận cơ bản về công tác quản lý xuất nhập cảnh   | 5                      | 0              | 0                | 10            | 15          |                |
| 2             | Điều kiện, thủ tục nhập xuất cảnh Việt nam của người nước | 10                     | 0              | 0                | 20            | 30          |                |

| Chương      | Tên chương                                                                                  | Số tiết tín chỉ |          |           |           |            | Ghi chú |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------|-----------|-----------|------------|---------|
|             |                                                                                             | Lý thuyết       | Bài tập  | Thực hành | Tự học    | Tổng       |         |
|             | ngoài. Nội dung công tác quản lý nhập xuất cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam |                 |          |           |           |            |         |
| 3           | Quản lý xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam                                                | 10              | 0        | 0         | 20        | 30         |         |
| 4           | Thị thực đối với khách du lịch quốc tế trên thế giới                                        | 10              | 0        | 0         | 20        | 30         |         |
| 5           | Thực trạng thị thực du lịch Việt Nam hiện nay và thủ tục xuất nhập cảnh Việt Nam            | 10              | 0        | 0         | 20        | 30         |         |
| <b>Tổng</b> |                                                                                             | <b>45</b>       | <b>0</b> | <b>0</b>  | <b>90</b> | <b>135</b> |         |

### **CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIÊU LUẬN**

1. Những bất cập trong công tác quản lý người nước ngoài khi nhập cảnh vào Việt Nam bằng con đường du lịch.
2. Những ưu điểm và khuyết điểm của những quy định chung về xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam.
3. Những ưu điểm và nhược điểm khi áp dụng việc miễn thị thực song phương và đơn phương miễn thị thực của Việt Nam.
4. Những lợi thế và bất cập của việc các thủ tục xuất nhập cảnh của Việt Nam hiện nay.

#### **8. Phương pháp giảng dạy:**

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Phát vấn
- Hỏi lại hoặc vấn đáp

**Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy**

| Phương pháp giảng dạy             | CLO1 | CLO2 | CLO3 | CLO4 | CLO5 |
|-----------------------------------|------|------|------|------|------|
| Thuyết trình                      | X    | X    |      |      |      |
| Phát vấn                          | X    | X    | X    | X    | X    |
| Đọc và tóm lược nội dung tài liệu |      |      | X    | X    | X    |

## 9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

### Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

| Phương pháp học tập   | CLO1 | CLO2 | CLO3 | CLO4 | CLO5 |
|-----------------------|------|------|------|------|------|
| Thuyết trình          | X    | X    |      | X    | X    |
| Làm việc nhóm         |      | X    | X    | X    | X    |
| Tự học, tự nghiên cứu | X    | X    | X    | X    | X    |

## 10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

**11. Thang điểm đánh giá:** Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

## 12. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

1. *Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:*
  - a. Điểm chuyên cần: dự lớp, trọng số 10%
  - b. Điểm kiểm tra thường xuyên: Làm bài nhóm, trọng số 30%
2. *Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%*

Hình thức thi: tự luận

### Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

| Hình thức đánh giá | CLO1 | CLO2 | CLO3 | CLO4 | CLO5 |
|--------------------|------|------|------|------|------|
| Tự luận            | X    | X    | X    | X    |      |
| Làm bài nhóm       |      |      | X    | X    |      |
| Dự lớp             |      |      | X    | X    | X    |

### **13. Tài liệu phục vụ cho học phần**

#### **13.1. Tài liệu chính**

- Luật du lịch - 2017
- Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (2014, 2019) - Luật xuất, nhập cảnh của công dân Việt Nam (2014, 2019).

#### **13.2. Tài liệu tham khảo**

Trang mạng điện tử:

- <http://lanhsuvietnam.gov.vn/>
- <http://tansonnhatairport.vn/>
- <http://tansonnhatairport.vn/>
- <http://moj.gov.vn/>
- <http://vnimm.gov.vn/>
- <http://www.customs.gov.vn/>
- Một số website của Đại sứ quán và/hay Tổng lãnh sự quán nước ngoài tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh

06

*TP.Hồ Chí Minh, ngày    tháng    năm 2022*

**HIỆU TRƯỞNG**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Trưởng Khoa/ Bộ môn**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Giảng viên biên soạn**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**PGS. TS. Nguyễn Minh Đức**

**PGS. TS. Phạm Xuân Hậu**

**ThS. Phan Trần Tuyên**

## PHỤ LỤC CÁC RUBRICS ĐÁNH GIÁ

### Rubric 1. Đánh giá chuyên cần – tham gia hoạt động tại lớp (Chiếm 20% tổng điểm cuối cùng của môn học)

| TT | Tiêu chí chung                  | Tiêu chí cụ thể                 | Thang điểm                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                   | Tỷ trọng     |
|----|---------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
|    |                                 |                                 | A (8,5-10)                                                                                                                                                             | B (7,0-8,4)                                                                                                                                                                            | C (5,5-6,9)                                                                                                                                                                                    | D (4,0-5,4)                                                                                                                                                                                                       | F (<4,0)                                                                                                                                                                                          |              |
| 1  | Chuyên cần                      | Chuyên cần                      | Tham gia đầy đủ và đúng giờ tất cả các buổi học lý thuyết và thực hành                                                                                                 | Vắng 1 buổi không có lý do chính đáng hoặc 2 buổi có lý do chính đáng; đôi lúc đi trễ                                                                                                  | Vắng 2 buổi không có lý do chính đáng hoặc 3-4 buổi có lý do chính đáng; thỉnh thoảng đi trễ                                                                                                   | Vắng 3 buổi không có lý do chính đáng hoặc 5 buổi có lý do chính đáng; hay đi trễ                                                                                                                                 | Vắng trên 3 buổi không có lý do chính đáng hoặc trên 5 buổi có lý do chính đáng; thường xuyên đi trễ                                                                                              | 50% (5 điểm) |
| 2  | Tham gia các hoạt động trên lớp | Bài tập về nhà (nếu có)         | Hoàn thành đầy đủ bài tập về nhà                                                                                                                                       | Thường xuyên làm bài tập về nhà đầy đủ                                                                                                                                                 | Làm bài tập về nhà tương đối đầy đủ                                                                                                                                                            | Có làm bài tập về nhà nhưng còn sơ sài                                                                                                                                                                            | Không làm bài tập về nhà                                                                                                                                                                          | 50% (5 điểm) |
|    |                                 | Tham gia các hoạt động trên lớp | Luôn luôn chủ động và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; luôn đưa ra các ý kiến sát đúng với nội dung bài học; chủ động triển khai các hoạt động thảo luận nhóm | Tương đối chủ động và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; thường xuyên đưa ra các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học; tham gia tích cực các hoạt động thảo luận nhóm | Có tham gia các hoạt động trên lớp nhưng đôi lúc chưa được chủ động và tích cực; thỉnh thoảng đưa ra các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học; tham gia các hoạt động thảo luận nhóm | Chưa chủ động và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chỉ trả lời khi được gọi; đưa ra các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học khi được gọi ý; thỉnh thoảng tham gia các hoạt động thảo luận nhóm | Không tham gia các hoạt động trên lớp, chỉ trả lời khi được gọi; không đưa ra được các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học khi được gọi ý; không tham gia các hoạt động thảo luận nhóm |              |

\* Các lý do chính đáng bao gồm: thiên tai, tang gia (ông bà, bố mẹ, anh chị em ruột), cưới hỏi của bản thân, nằm viện có giấy xác nhận, tham gia các hoạt động đoàn thể được điều động theo danh sách và một số trường hợp đặc biệt khác được sự đồng ý của các cấp có thẩm quyền.



## Rubric 2. Kiểm tra tự luận

| TT | Tiêu chí chung                  | Tiêu chí cụ thể                                                          | Thang điểm                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                  | Tỷ trọng                                      |
|----|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
|    |                                 |                                                                          | A (8,5-10)                                                                                                                                                                                                                                                   | B (7,0-8,4)                                                                                                                                                                                                                                     | C (5,5-6,9)                                                                                                                                                                                                                             | D (4,0-5,4)                                                                                                                                                                                                                                 | F (<4,0)                                                                         |                                               |
| 1  | Nội dung và hình thức trình bày | <i>Trả lời ngắn (câu hỏi bậc 1: trình bày tái hiện kiến thức)</i>        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày đúng và đầy đủ các nội dung nêu trong đáp án.</li> <li>- Không có hoặc có 1-2 lỗi chính tả và diễn đạt.</li> </ul>                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày đúng và đạt 70-80% nội dung nêu trong đáp án.</li> <li>- Có 3-4 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi chính tả và diễn đạt</li> </ul>                                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày đúng và đạt 50-60% nội dung nêu trong đáp án.</li> <li>- Có 5-6 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi chính tả và diễn đạt.</li> </ul>                                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày đúng và đạt 40-50% nội dung nêu trong đáp án.</li> <li>- Có trên 6 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi chính tả và diễn đạt.</li> </ul>                                                          | Không trình bày được hoặc trình bày sơ sài các thông tin về vấn đề được yêu cầu. | Giảng viên điều chỉnh theo từng đề thi cụ thể |
|    |                                 | <i>Tự luận (câu hỏi bậc 2,3: Phân tích, chứng minh, đánh giá vấn đề)</i> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện hiểu biết sâu sắc và quan điểm cá nhân về vấn đề nêu ra.</li> <li>- Có dẫn chứng và lập luận thuyết phục để bảo vệ quan điểm của mình.</li> <li>- Không có hoặc có 1-2 lỗi chính tả và diễn đạt</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện hiểu biết tương đối toàn diện về vấn đề nêu ra. - Có đưa ra quan điểm cá nhân.</li> <li>- Dẫn chứng và lập luận chưa thực sự chặt chẽ.</li> <li>- Có 3-4 lỗi chính tả và diễn đạt.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện được hiểu biết về vấn đề.</li> <li>- Chưa đưa ra được ý kiến cá nhân.</li> <li>- Chưa nêu được dẫn chứng và xây dựng lập luận.</li> <li>- Có 5-6 lỗi chính tả và diễn đạt.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày vấn đề một cách đơn giản.</li> <li>- Chưa đưa ra được ý kiến cá nhân.</li> <li>- Chưa nêu được dẫn chứng và xây dựng lập luận.</li> <li>- Có trên 6 lỗi chính tả và diễn đạt.</li> </ul> | Không trình bày được hoặc trình bày một cách sơ sài về vấn đề được yêu cầu.      |                                               |